

Số: 989 C/BGDĐT- GDTH
V/v Hướng dẫn nội dung, phương pháp
giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2007

Kính gửi: Ông (Bà) Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục 2005 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ trường tiểu học được ban hành theo Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2007;

Căn cứ Chỉ thị số 39/2007/CT-BGDĐT ngày 31/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp và các trường, khoa sư phạm trong năm học 2007- 2008;

Nhằm đưa công tác giáo dục trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đi vào nền nếp, đạt chất lượng thật sự và thực hiện công bằng trong giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố thực hiện nội dung và phương pháp giáo dục cho đối tượng này như sau :

I. Đối tượng

a) Học sinh có hoàn cảnh khó khăn có thể xếp vào 3 loại đối tượng chính :

- Trẻ em người dân tộc thiểu số khi vào lớp 1 chưa biết Tiếng Việt; trẻ em sống ở vùng sâu, vùng xa, núi cao, biên giới, hải đảo.

- Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em lang thang; trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học; trẻ em nhiễm HIV/AIDS; trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ em phải làm việc xa gia đình; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em nghiện ma tuý; trẻ em vi phạm pháp luật.

- Trẻ em khuyết tật, tàn tật (gọi chung là khuyết tật) không bình thường về thể chất hoặc tinh thần, không đủ điều kiện để thực hiện quyền cơ bản và hoà nhập với gia đình, cộng đồng.

Các đối tượng trên sau đây gọi chung là học sinh khó khăn.

b) Đặc điểm :

Học sinh khó khăn có đặc điểm chung là : không có đủ thời gian cho học tập, điều kiện thiếu thốn; tâm lý không ổn định, thiếu tự tin trong học tập; ngôn ngữ tiếng Việt bị hạn chế; thiếu sự quan tâm, chăm sóc của gia đình và sự hỗ trợ của cộng đồng. Riêng học sinh khuyết tật : ngôn ngữ chậm phát triển, hạn chế về nhận thức; có tổn thương về nhận thức cảm tính : cảm giác, tri giác; nhận thức lý tính : tư duy, trí nhớ, chú ý, tưởng tượng, khái quát hoá và trừu tượng hoá đều kém phát triển.

II. Yêu cầu, nội dung và phương pháp giảng dạy

1. Nội dung dạy học

Nội dung dạy học cơ bản dựa vào chương trình và sách giáo khoa chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định.

Đối với học sinh khó khăn nói chung cần tập trung giảng dạy vào 2 môn Tiếng Việt và Toán. Các môn còn lại xem như học để hiểu và hỗ trợ cho môn Tiếng Việt. Môn Tự nhiên Xã hội ở lớp 1, 2, 3 và môn Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở lớp 4, 5 được dạy như phân môn tập đọc. Việc chọn lựa nội dung chính trong 1 tiết để dạy cho từng đối tượng học sinh trong một lớp do giáo viên quyết định.

Quá trình vận dụng vào các đối tượng được qui định cụ thể như sau :

1.1. Lớp 1, lớp 2, lớp 3

- Tập trung dạy 2 môn Tiếng Việt, Toán đảm bảo yêu cầu tối thiểu về kiến thức và kỹ năng ở mỗi tiết của môn học.

- Các môn còn lại lựa chọn các nội dung đơn giản dạy cho học sinh để có hiểu biết nhằm bồi dưỡng kỹ năng sống và củng cố môn Tiếng Việt.

- Riêng môn hát nhạc có thể dạy cho học sinh hát các bài hát truyền thống của địa phương hoặc một số bài hát đơn giản trong chương trình.

1.2. Lớp 4, lớp 5

- Nội dung cơ bản thực hiện như ở lớp 1, lớp 2, lớp 3 (mục 1.1).

- Riêng các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lý được dạy như phân môn tập đọc. Số lượng câu trong mỗi tiết để học sinh tập đọc cũng như nội dung cần thiết cho học sinh đọc do giáo viên lựa chọn sao cho phù hợp với từng đối tượng học sinh của lớp do giáo viên phụ trách.

1.3. Đối với học sinh khuyết tật, tàn tật

Ngoài việc chọn nội dung tương tự như trên (mục 1.1 và 1.2), giáo viên có thể :

Tăng cường dạy cho trẻ phát triển năng khiếu, chẳng hạn học sinh có năng khiếu âm nhạc thì tăng thời gian dạy hát; trẻ có năng khiếu thể thao thì giúp trẻ tăng cường hoạt động thể dục thể thao, hoặc trẻ có năng khiếu mỹ thuật thì tăng cường dạy vẽ, nặn,

2. Về phương pháp dạy học

2.1. Thực hiện theo sự chỉ đạo tại công văn số 896/BGDĐT- GDTH về việc Hướng dẫn điều chỉnh việc dạy và học cho học sinh tiểu học.

Giáo viên phải bám sát yêu cầu cơ bản của chuẩn kiến thức, kỹ năng, để lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp và hình thức thích hợp, kể cả việc sử dụng đồ dùng dạy học gắn gũi với cuộc sống xung quanh học sinh. Việc dạy học phù hợp với khả năng nhận thức và điều kiện học tập của nhóm đối tượng này là vô cùng cần thiết. Giáo viên chỉ cần giúp học sinh hiểu được phần cốt lõi của bài cũ trước khi học bài mới kế tiếp.

2.2. Cán bộ quản lý cần nắm chắc đối tượng học sinh khó khăn trong mỗi lớp, có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giáo viên thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học để học sinh được học tập có kết quả thiết thực.

Phương pháp dạy học cơ bản cho học sinh khó khăn là cách đưa ra vấn đề đơn giản để học sinh bắt chước làm theo, không áp đặt. Cần tạo không khí vui vẻ và sự tự tin cho trẻ trong quá trình học tập, nên có những câu hỏi vừa sức để học sinh trả lời dựa trên nội dung bài học và khả năng thực tế của học sinh.

2.3. Giáo viên cần chú ý không dạy nhiều kiến thức cùng một lúc; dạy ít nhưng phải chắc chắn và đảm bảo 3 yêu cầu cơ bản :

- Các em hiểu mình đang học cái gì.
- Bài tập chỉ vừa đủ để học sinh có thể hiểu và làm đúng. Với một vài đối tượng học sinh đặc biệt chỉ cần làm 1 bài tập dạng cơ bản và cần thiết trong một tiết học.
- Việc dạy học cần đảm bảo sao cho học sinh sau lớp 1 có thể đọc được 30 chữ/1 phút; chép đúng được 1 bài trong 15 phút với 30 chữ và cộng trừ nhanh trong phạm vi 10, cộng trừ không có nhớ trong phạm vi 100 một cách chắc chắn. Học sinh học hết lớp 5 đọc được trôi chảy, làm đúng 4 phép tính, giải được 1 bài toán đố có 2 hoặc 3 câu lời giải; viết được 1 bài tập làm văn khoảng 15 câu theo một chủ đề của chương trình môn học.

2.4. Mỗi lớp học hoà nhập bố trí từ 1 đến 3 học sinh khó khăn (nếu có), hoặc 1 đến 2 học sinh khuyết tật, tàn tật. Ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng có nhiều học sinh dân tộc nếu cần dạy tập trung thì bố trí 1 giáo viên chủ nhiệm dạy tối đa 15 học sinh khó khăn/lớp.

2.5. Đối với lớp ghép, bố trí học sinh học 2 môn tiếng Việt và Toán riêng theo từng nhóm với nội dung và phương pháp như đối với học sinh khó khăn, chẳng hạn nhóm này học toán, nhóm khác học Tiếng Việt. Với các môn còn lại, giáo viên chọn nội dung nào thích hợp, vừa sức trong chương trình cho học sinh học chung một cách có hệ thống.

III. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

1. Yêu cầu chung về đánh giá

Trong thực tiễn bất cứ ở một lớp học nào đều có thể có từ một đến vài học sinh khó khăn (trong khuôn khổ của văn bản này). Sau khi thực hiện dạy học với nội dung và phương pháp đã qui định ở phần trên (mục II), giáo viên tiến hành đánh giá kết quả học tập của học sinh. Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh cần phải nghiêm túc, trách nhiệm cao và thực chất sau mỗi học kì, đặc biệt ở học kì 2.

2. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

2.1. Đối với học sinh khuyết tật, tàn tật

- Nếu học sinh hoà nhập theo được như một học sinh bình thường thì được đánh giá theo qui định chung.

- Nếu học sinh hoà nhập nhưng thuộc diện khó khăn đặc biệt thì mỗi học sinh được lập một phiếu theo dõi kết quả học tập (theo mẫu đính kèm); mỗi tháng học sinh có 1 bài kiểm tra Tiếng Việt (1 bài tập làm văn, hoặc tập chép đối với lớp 1) và 1 bài tập toán. Giáo viên lưu giữ phiếu theo dõi và các bài kiểm tra đó của học sinh để bàn giao cho năm học kế tiếp.

Những học sinh khuyết tật được lập phiếu theo dõi kết quả học tập thì giáo viên lập danh sách báo cáo Hiệu trưởng để tổ chức khảo sát xem xét sự tiến bộ của học sinh sau một năm học. Hiệu trưởng xác nhận vào danh sách đó. Số học sinh này cần được huy động đi học để hưởng quyền được giáo dục và chăm sóc, không được xem là đối tượng ngồi nhầm lớp.

- Riêng đối với lớp 1, giáo viên báo cáo danh sách các học sinh khó khăn cho Hiệu trưởng ngay sau khi có kết quả kiểm tra học kì 1.

- Phiếu theo dõi cùng các bài kiểm tra cần được lưu giữ cho đến hết cấp học.

2.2. Đối với học sinh khó khăn còn lại

- Nếu trong quá trình học tập, những học sinh có đủ khả năng thì được đánh giá theo qui định chung. Chẳng hạn có trường hợp học sinh ở lớp 1 thuộc diện khó khăn nhưng lớp 3 không còn thuộc diện khó khăn thì học sinh đó được dạy học và đánh giá như học sinh bình thường.

- Với học sinh khó khăn, việc đánh giá chỉ tập trung vào 2 môn Tiếng Việt và Toán theo yêu cầu cơ bản đã được qui định tại Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các môn còn lại, học sinh cần học để hiểu nhằm hỗ trợ học tốt môn Tiếng Việt và Toán. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh kiểm tra nhưng không cần ghi nhận xét vào học bạ.

- Yêu cầu kiểm tra :

+ Đối với lớp 1 : môn Tiếng Việt kiểm tra học sinh đọc được 30 chữ/phút; nhìn - viết (tập chép) tốc độ 30 chữ/15 phút. Môn Toán học sinh cộng trừ đúng không có nhớ trong phạm vi 100.

+ Đối với lớp 5 : môn Tiếng Việt yêu cầu học sinh viết được 1 bài tập làm văn khoảng 15 câu theo một chủ đề có trong sách giáo khoa; làm đúng 4 phép tính và biết giải 1 bài toán có hai đến ba bước tính.

+ Đối với lớp 2, 3, 4 cũng yêu cầu theo mức độ kiến thức, kĩ năng ở 2 môn Tiếng Việt và Toán đã được qui định theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT.

Đối với những trường học có đủ 1,5 giáo viên/lớp để dạy 2 buổi/ngày cho học sinh, thì buổi thứ nhất do giáo viên chủ nhiệm phụ trách, buổi thứ hai do giáo viên khác đảm nhận. Đối với lớp 1 nên 4 buổi/tuần, lớp 2 đến lớp 5 học 5 buổi/tuần; dành 2 tiết/buổi để củng cố kiến thức hàng ngày đã được học ở buổi thứ nhất, giúp học sinh tự tin, luyện nghe nói và phát triển tư duy độc lập của các em, thời gian còn lại tổ chức cho học sinh vui chơi, sinh hoạt tập thể.

IV. Tổ chức, thực hiện

1. Ở vùng đặc biệt khó khăn thì nên xếp tối đa 20 học sinh/lớp để giáo viên có thể giúp đỡ trực tiếp đến từng học sinh.

2. Ở vùng thuận lợi chỉ xếp từ 1 đến 3 học sinh khó khăn/lớp và quá trình giảng dạy cho học sinh vẫn thực hiện theo tinh thần của công văn này.

3. Phân công 1 giáo viên chủ nhiệm lớp, căn cứ vào tình hình cụ thể có thể phân theo sở trường của một số giáo viên để đảm bảo việc dạy và học có chất lượng thực. Giáo viên tăng cường sử dụng sách tham khảo để cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy.

4. Đảm bảo thực hiện dạy thật, học thật và đánh giá đúng thực chất. Việc đánh giá cần phản ánh đúng thực tế khách quan với mục tiêu để giáo viên hiểu đúng học sinh và tìm phương pháp khuyến khích học sinh học tốt hơn.

5. Thực hiện định kỳ báo cáo tình hình giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn của nhà trường cho cấp trên.

Căn cứ vào hướng dẫn này, các Sở Giáo dục và Đào tạo cần triển khai tới các trường, các cơ sở giáo dục của địa phương để chỉ đạo, thực hiện các hoạt động cụ thể và những yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quá trình chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ giáo dục hoà nhập trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc chưa rõ, các Sở Giáo dục và Đào tạo cần phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo để được giải đáp hoặc tìm hướng giải quyết.

Nơi nhận :

- Bộ trưởng (để b/c)
- Các Thứ trưởng (để b/c)
- Các Sở GD&ĐT (để thực hiện)
- Các đơn vị có liên quan (để p/h chỉ đạo)
- Website Bộ GD&ĐT
- Lưu VT, Vụ GDTH



Mẫu phiếu theo dõi kết quả học tập của học sinh khó khăn
(Kèm theo công văn số 9890/BGDĐT-GDTH ngày 17/9/2007)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHIẾU HỌC TẬP CỦA HỌC SINH KHÓ KHĂN

Họ và tên học sinh :

Lớp :

Năm học :

<i>Tháng</i>	<i>Nhận định chung</i>	<i>Nội dung và yêu cầu cần đạt</i>		
		<i>Môn năng khiếu</i>	<i>Môn Tiếng Việt</i>	<i>Môn Toán</i>
9				
10				
....				
4				
5				

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Mẫu 2)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH HỌC SINH KHÓ KHĂN

(Mẫu dùng cho Trường hoặc lớp)

Lớp :

Năm học :

<i>Số TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Đặc điểm khó khăn</i>	<i>Môn năng khiếu</i>	<i>Môn Tiếng Việt</i>	<i>Môn Toán</i>
1					
2					
3					
4					
...					

GIÁO VIÊN

HIỆU TRƯỞNG